

NHẬP BỒ TÁT HẠNH

Phẩm 1: Lợi ích tâm bồ đề (kệ 11-20)

Ban biên tập Dipkar

tóm tắt theo bài giảng của Khangser Rinpoche

Buổi 2, Chủ Nhật, ngày 9 tháng 6 năm 2019

Hôm trước Thầy đã giảng xong đoạn kệ 10, giờ Thầy sang đoạn kệ 11.

Đoạn kệ 11:

Thuyền trưởng chúng sinh trí vô lượng

Xét tận tường thấy biết bảo châu

Ai muốn lìa khỏi cõi chúng sinh

Giữ vững tâm bồ đề trân quý

Chúng ta đang ở phẩm đầu tiên, với nội dung chủ yếu về lợi ích của Tâm Bồ Đề. Ở đây, lấy một ví dụ, người thuyền trưởng chuyên chở tất cả chúng sinh chính là Đức Phật.

Đoạn kệ này ý rằng Đức Phật chính là vị đã giác ngộ hoàn toàn, chính là người hướng đạo dẫn đường cho tất cả mọi chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Cũng giống như người lái đò đưa một con đò chở toàn bộ tất cả chúng sinh đi qua hết mọi bờ khổ, Đức Phật đã thấy được rằng nếu chúng sinh nào muốn thoát khỏi khổ đau của luân hồi để thành tựu được Phật quả, chỉ có thể tu hành và giữ vững tâm bồ đề thì mới có thể hoàn thành được mục đích đó.

Ngoài tâm bồ đề thì không thể nào thoát hết khổ và thành tựu quả Phật được. Đó chính là ý nghĩa của đoạn kệ này. Nếu ai muốn thành tựu được

Phật quả để tự mình thoát khổ và giúp mọi chúng sinh thoát khổ thì cần phải giữ vững tâm bồ đề.

Đây là điểm quan trọng của tâm bồ đề.

Đoạn kệ 12:

Những thiện hạnh khác như cây chuối

Trở quả rồi, cây sẽ chết khô

Nhưng cây bồ đề tâm vững chãi

Cho quả, không chết, vẫn tốt tươi.

Đoạn này nói về năng lực lớn mạnh của tâm bồ đề. Nói đến những thiện hạnh khác mà không phải là tâm bồ đề, thì những thiện hạnh đó tuy cho kết quả tốt lành nhưng cũng chỉ như một cây chuối: khi mọc lên rồi cho quả và sau đó cây chuối sẽ chết. Ở đây nói rằng “*những thiện hạnh khác như cây chuối, trở quả rồi cây sẽ chết khô*”. Cây chuối ấy chỉ cho quả tốt được một lần thôi. Nhưng đối với tâm bồ đề thì như một cây to vững chãi. Cây to tuy đã cho quả rồi nhưng cây vẫn tươi tốt, vẫn còn sức mạnh rất lớn, lại đâm chồi ra nhiều quả tốt khác nữa. Cho nên ở đây lấy ví dụ là “*Như cây bồ đề tâm vững chãi, cho quả, không chết vẫn tốt tươi*”. Đây chính là năng lực lớn mạnh của tâm bồ đề, vượt hơn hẳn tất cả các thiện hạnh khác.

Ở đây lấy ví dụ như thế để đưa đến ý nghĩa như sau: Đối với những thiện hạnh khác, thì khi đã cho quả rồi sẽ không còn đủ sức để cho thêm quả tốt lành khác nữa. Nên những thiện hạnh ấy chỉ cho quả tốt lành một lần rồi mất đi, không còn khả năng cho thêm quả tốt lành nữa.

Nhưng tâm bồ đề rất vững chãi và mạnh mẽ, khi đã cho quả tốt rồi thì vẫn còn sức sống rất mãnh liệt, vẫn còn khả năng cho thêm nhiều quả tốt khác nữa, mà vẫn không hề bị hao mòn. Nên nếu thực hành tâm bồ đề, quả ở đây là kết quả mang đến lợi lạc cho mình và tất cả mọi chúng sinh.

Nếu thực hành tâm bồ đề, chúng ta nghĩ rằng “*Vì lợi ích của tất cả mọi chúng sinh, tôi sẽ thành tựu được Phật quả*”, hoặc “*Tôi sẽ mang tất cả*

chúng sinh thoát khỏi biển khổ, nên tôi muốn thành tựu Phật quả”, hoặc *“Tôi muốn mang lợi lạc đến cho tất cả chúng sinh, nên tôi sẽ thành tựu Phật quả”*. Nếu thực hành ước muốn đó, chính là thực hành tâm bồ đề.

Hoặc chúng ta có thể hiểu như thế này: ví dụ những thiện hạnh khác, vì đó là nhân thiện cho nên khi trở quả thì sẽ trở quả thiện lành. Nhưng nhân thiện đó chỉ trở quả lành được một lần mà thôi, không thể nào cùng một nhân lại trở được 2 lần quả tốt đẹp. Nhưng tâm bồ đề không phải như vậy. Tâm bồ đề có khả năng cho bất kỳ quả thiện nào, nghĩa là tất cả những kết quả nào được mang đến từ tâm bồ đề thì đều là quả thiện và là quả tốt lành. Cho nên từ đoạn kệ này, phải biết rằng tâm bồ đề có sức mạnh lớn lao, lớn hơn tất cả mọi thiện hạnh khác.

Đoạn kệ 13:

*Nếu phạm phải ác nghiệp to lớn
Nương uy lực nên nổi sợ lớn,
Nhờ nương tựa tức thời được thoát
Người cẩn trọng sao chẳng nương vào.*

Khi đã phạm phải một ác nghiệp to lớn, đương nhiên, nếu một người nào hiểu biết và cẩn trọng về nhân quả thì biết rằng chắc chắn mình sẽ gánh chịu hậu quả, nghĩa là quả báo ác sẽ đến với mình và mình sẽ đau khổ. Vì biết sẽ đau khổ và sợ đau khổ, nên mới nương nấu vào uy lực lớn mạnh để mong thoát khổ. *“Nương uy lực”* ở đây chính là nương tựa vào sức mạnh to lớn của tâm bồ đề. Khi nương uy lực đó thì nỗi sợ phải gánh chịu hậu quả đau khổ do ác nghiệp của mình lập tức sẽ được giải thoát, lập tức sẽ được đẩy lùi. Cho nên tâm bồ đề có sức mạnh thanh tịnh mọi ác nghiệp to lớn mình đã phạm phải.

Ở đoạn kệ này, ở câu cuối cùng: *“Người cẩn trọng sao chẳng nương vào”*. *“Người cẩn trọng”* là người hiểu biết về nhân quả, biết rằng nếu làm thiện sẽ có quả lành, còn nếu làm ác sẽ gánh chịu hậu quả đau khổ.

Dựa trên nền tảng hiểu biết nhân quả như vậy, nếu lỡ mình đã từng phạm phải ác nghiệp to lớn thì đương nhiên mình biết mình sẽ gánh chịu hậu quả đau khổ to lớn. Vì sợ phải gánh chịu hậu quả đau khổ đó nên nương nhờ uy lực. Uy lực ở đây là uy lực của tâm bồ đề. Nhờ nương tựa uy lực đó thì nỗi sợ đó tức thời sẽ được tiêu tan. Cho nên tâm bồ đề có sức mạnh to lớn có thể thanh tịnh tất cả mọi ác nghiệp.

Nếu thực hành tâm bồ đề thì thực hành như thế nào? Lấy ví dụ, nếu chúng ta bố thí cho một người ăn xin một ít thức ăn chỉ như một nắm tay thôi, khiến người đó thoát khỏi cơn đói trong chốc lát. Nhưng trong tâm của chúng ta ngoài việc bố thí cho người ăn xin trước mặt mình, mình còn nghĩ thêm, đối với tất cả mọi chúng sinh mà có nỗi khổ giống như người trước mặt mình thì cũng mong cho được thoát khỏi nỗi khổ đó, cũng mong cho được hạnh phúc. Nếu nghĩ được như vậy thì lúc đó là lúc thực hành tâm bồ đề. Vì tâm bồ đề là thực hành từ việc nghĩ rằng **“muốn đạt được Phật quả để mang đến lợi lạc cho tất cả mọi chúng sinh”**, để mong tất cả mọi chúng sinh thoát khổ. Cho nên bất cứ việc lợi lạc nào nghĩ đến đối tượng là tất cả mọi chúng sinh thì hành động ấy với động cơ ấy sẽ gọi là thực hành tâm bồ đề.

Đoạn kệ 14:

*Như ngọn lửa cuối thời kiếp hoại
Trong khoảnh khắc thiêu sạch đại ác
Lợi lạc vô lượng của tâm ấy
Ngài Di Lạc nói với Thiện Tài.*

Đây chính là lời Đức Phật dạy, nhưng trong hoàn cảnh Ngài Di Lạc nói với Ngài Thiện Tài.

“Ngọn lửa cuối thời kiếp hoại” là ngọn lửa có sức tàn phá rất lớn. Ví dụ, trong một khoảnh rừng đốt lên một ngọn lửa, thì ngọn lửa đó có khả năng thiêu trụi cả một khu rừng và tất cả cây cối trong đó. Cũng giống như vậy, năng lực của tâm bồ đề lớn đến nỗi có thể thiêu sạch hết mọi nghiệp ác đã

gây ra. Ngài Di Lặc đã nói rất rõ ràng về lợi lạc vô lượng đó với Bồ Tát Thiện Tài.

Câu cuối cùng: **“Ngài Di Lặc nói với Thiện Tài”** là một cuộc đối đáp giữa Bồ Tát Di Lặc và Bồ Tát Thiện Tài diễn ra trong pháp hội Đức Phật đang thuyết giảng. Đây chính là kinh “Thiện Tài vấn đáp”. Rinpoche không rõ kinh này đã được dịch sang tiếng Việt hay chưa.

Trong tất cả mọi kinh điển Đức Phật đã giảng, có nhiều kinh điển và rất nhiều đề tài Đức Phật đã giảng nói. Nhưng ở trong đó, phổ biến nhất chính là bộ Bát Nhã bao gồm ba bộ kinh là Tiểu phẩm Bát Nhã, Trung phẩm Bát Nhã và Đại phẩm Bát Nhã.

Pháp thực hành tâm bồ đề chủ yếu được đề cập trong kinh Phật thuyết. Nhưng xuyên suốt trong ba bộ Tiểu Trung Đại Bát Nhã này không phải lúc nào nói rõ điều ấy thông qua lời nói, mà gián tiếp đề cập đến. Và cũng trong vài kinh thuộc ba bộ Tiểu Trung Đại Bát Nhã, Phật đã giảng rõ điều ấy thông qua lời nói.

Nói về bộ Bát nhã gồm ba bộ Tiểu phẩm, Trung phẩm và Đại phẩm Bát Nhã. Bộ Tiểu phẩm (Bát thiên tụng) có 8.000 bài kệ Tánh không. Bộ Trung phẩm (Nhị thập thiên tụng) có 20.000 bài kệ Tánh không. Bộ Đại phẩm (Bách thiên tụng) có 100.000 bài kệ Tánh không. Tất cả đều do Phật thuyết. Từ ba bộ Đại, Trung, Tiểu phẩm Bát Nhã này đúc kết lại thì ý nghĩa tinh túy thành Bát Nhã Tâm Kinh.

Trong bộ Tiểu, Trung, Đại phẩm Bát Nhã có nói rõ về pháp thực hành tâm bồ đề như thế nào. Khi đã phát tâm bồ đề, phải thực hành đạo để đạt Phật quả như thế nào.

Trong Hiện Quán Trang Nghiêm Luận của Bồ Tát Di Lặc có đoạn nói về định nghĩa và phân loại của tâm bồ đề:

***“Phát tâm là vốn vì lợi tha
Mong thành tựu viên mãn bồ đề
Điều đầy và đầy như kinh dạy
Đã nói lược thâu và sâu rộng***

*Đáy lại như đất, vàng, trăng, lửa,
Kho, nơi sinh châu báu, đại dương,
Kim cang, núi, thuốc, và đạo sư,
Bảo châu như ý, trời, bài ca,*

*Đức vua, kho báu, con đường lớn,
Vật cưỡi và như nước thác đổ,
Tiếng sáo, dòng nước, cũng như mây
Đấy là phân loại hai mươi hai.”*

Trong đoạn đầu nói đến định nghĩa của tâm bồ đề:

*“Phát tâm là vốn vì lợi tha
Mong thành tựu viên mãn bồ đề”*

Sau đó, nguồn gốc kinh điển đề cập đến tâm bồ đề ấy:

*“Điều đầy và đầy như kinh dạy
Đã nói lược thấu và sâu rộng”*

“Điều đầy và đầy” chính là lợi người (lợi tha) và lợi mình (tự lợi), theo thứ tự được đề cập ở hai câu trên: “vì lợi tha” (lợi người) và “thành tựu viên mãn bồ đề” (lợi mình).

“Như kinh dạy” đề cập đến Trung phẩm Bát Nhã (Nhị thập thiên tụng Bát Nhã).

“Lược thấu” nói đến Tiểu phẩm Bát Nhã (Bát thiên tụng Bát Nhã), và *“Sâu rộng”* nói đến Đại phẩm Bát Nhã (Bách thiên tụng Bát Nhã).

Hai đoạn kế phía sau nói đến 22 phân loại của tâm bồ đề được giảng trong Trung phẩm Bát Nhã nhưng không được giảng trong Tiểu và Đại phẩm Bát Nhã.

Chúng ta học chi tiết theo kinh điển thì thật khó cho đạo tràng. Nhưng thực hành tâm bồ đề thì cần phải biết đức Phật giảng tâm bồ đề từ trong những kinh điển nào. Nói về chi tiết thì không cần phải biết rõ hết. Nhưng nói tổng quát từ nguồn gốc nào, từ kinh nào đức Phật giảng về tâm bồ đề

thì điều đó cần phải biết. Đức Phật đã giảng tâm bồ đề chủ yếu từ trong bộ Bát Nhã. Bộ Bát Nhã nếu hỏi rằng có bao nhiêu bộ thì chúng ta cần phải biết có 3 bộ. Đó là bộ Tiểu phẩm, Trung phẩm và Đại phẩm Bát Nhã. Bộ Tiểu phẩm có 8.000 bài kệ, bộ Trung phẩm có 20.000 bài kệ và bộ Đại phẩm có 100.000 bài kệ nói về tánh không. Từ những lời thuyết pháp đó thì đức kết lại, tinh túy nằm trong Bát Nhã Tâm Kinh. Và tất cả ý nghĩa trong thời Bát Nhã hướng dẫn chúng ta thực hành phát tâm bồ đề như thế nào. Và sau khi phát tâm bồ đề rồi thì thực hành đạo để có thể thành tựu Phật quả như thế nào, đức Phật đã nói rất rõ ràng ở trong thời Bát Nhã.

Thầy kể câu chuyện ở tu viện Nam Ấn có một bản kinh Bát Nhã. Đó là một bản kinh cổ, tính niên đại khoảng 400-500 năm trước. Mỗi năm tu viện ấy chỉ mở cửa một lần để cho mọi người chiêm ngưỡng đánh lễ bản kinh. Thầy nhớ khoảng 20-22 năm trước thầy có một cơ hội được đến và tận mắt đánh lễ bộ kinh ấy và các thầy trong tu viện cho phép tự mở bản kinh ra xem. Bản kinh có rất nhiều trang, thầy mở ngẫu nhiên một trang thì ở đó, ngay câu đầu tiên đức Phật giảng rằng Bồ Tát nào thực hành bát nhã ba la mật thì nên hoan hỷ và nên vững tin về thực hành của mình bởi vì thực hành đó mang đến lợi lạc cho chúng sinh. Rinpoche cảm thấy rất may mắn vì đọc được đoạn kinh đó và lời đức Phật giảng từ trong bài kinh Bát Nhã. Nếu chúng ta thực hành tâm bồ đề và thực hành bát nhã ba la mật đa thì chúng ta nên có niềm tin và hoan hỷ với việc thực hành của mình.

Khoảng 2 tháng trước, ở tu viện của thầy ở Nepal thì có đọc bộ Bát Nhã lại một lần. Khi đó, bộ thầy đọc thì không có thấy được câu đó, nhưng ở trong bộ thầy đọc thì có những câu ví dụ như đức Phật có dạy rằng nếu ghi chép, đọc tụng bản kinh này vào các ngày 8, 14, 15 của mỗi tháng thì công đức sẽ được tăng trưởng.

Bản kinh 2-3 tháng trước thầy đọc cũng là bản kinh bát nhã thì đức Phật có dạy rằng nếu chúng ta ghi chép, đọc tụng kinh Bát Nhã vào các ngày 8, 14 và 15 mỗi tháng thì công đức sẽ được tăng trưởng. Nếu ai giảng, nói được ý nghĩa của bản kinh Bát Nhã cho người khác nghe vào các ngày 8, 14, 15 mỗi tháng thì công đức sẽ được tăng trưởng.

Lúc đọc bản kinh đó, Rinpoche cũng khá ngạc nhiên, không ngờ Đức Phật cũng nói rõ ràng thời điểm đọc tụng kinh điển, giảng nói kinh điển vào các ngày như thế thì sẽ có được công đức tăng trưởng rất nhiều. Ở đây đức Phật nói các việc ấy làm vào các ngày 8, 14, 15.

Trong thời kinh Bát Nhã, đức Phật nói đến 2 điểm chính là Tánh không và tâm bồ đề. Trong Bát Nhã Tâm Kinh, chúng ta vẫn hay đọc tụng mỗi ngày đó chính là bản cô đọng nhất của bộ Bát Nhã. Từ Tiểu phẩm, Trung phẩm và Đại phẩm Bát Nhã thì đúc kết lại chúng ta có bản kinh Bát Nhã Tâm Kinh. Trong đó rất khó tìm thấy chữ nào, một từ ngữ nào giảng nói về tâm bồ đề. Bởi vì bát nhã tâm kinh chủ yếu nói về Tánh không mà thôi, nhưng Bát Nhã Tâm Kinh lại là phiên bản đúc kết cô đọng nhất của 3 bộ Tiểu phẩm, Trung phẩm, Đại phẩm Bát Nhã mà đức Phật đã nói trước đó.

Đoạn kệ 15 – 16:

*Tâm bồ đề ấy lược thu lại
Cần biết rõ hai loại phân chia
Bồ đề tâm nguyện cùng chung với
Bồ đề tâm hạnh chính là hai.*

*Như biết rõ ràng và cụ thể
Giữa hai việc “muốn đi” và “đi”
Cũng như thế người trí biết rõ
Cụ thể lần lượt cả hai tâm.*

Đoạn kệ 15 và 16 có nêu phân loại và ý nghĩa của từng loại tâm bồ đề. Đoạn kệ 15 nói về phân loại và đoạn kệ 16 nói về ý nghĩa của từng phân loại đó. Ở đây, đoạn 15 nêu lên phân loại tâm bồ đề có 2 loại là bồ đề tâm nguyện và bồ đề tâm hạnh. Ở đoạn 16, “*muốn đi và đi*” là 2 ví dụ để nói đến bồ đề tâm nguyện và bồ đề tâm hạnh.

Đoạn 16 giải thích về ý nghĩa của bồ đề tâm nguyện và bồ đề tâm hạnh. Lấy ví dụ, nếu chúng ta nghĩ rằng “vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh, tôi sẽ thành tựu Phật quả”, thì chỉ nghĩ như vậy thôi chính là bồ đề tâm

nguyện. Còn nếu nghĩ rằng “vì lợi lạc tất cả mọi chúng sinh, tôi sẽ thành tựu Phật quả. Để thành tựu Phật quả, tôi sẽ thực hành bố thí, tôi sẽ thực hành trì giới, tôi sẽ thực hành nhẫn nhục, tôi sẽ thực hành tinh tấn, tôi sẽ thực hành thiền định, tôi sẽ thực hành trí tuệ v.v...”, thì nghĩ như vậy chính là Bồ đề tâm hạnh.

Bồ đề tâm hạnh và Bồ đề tâm nguyện khác nhau ở chỗ: Tâm nguyện chỉ nghĩ đến mong muốn thành Phật quả vì lợi lạc tất cả mọi chúng sinh, còn tâm hạnh là phải dần thân nỗ lực để thực hành các hạnh ba la mật để thành Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh.

Thầy hỏi rằng ở đây tâm Bồ đề có 2 loại là Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh. Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh ấy khi nào phát khởi? Ví dụ, một vị Bồ Tát đi theo đạo từ tư lương đạo tới vô học đạo. Trải qua 5 đạo đó, thì lúc nào có Bồ đề tâm nguyện, lúc nào có Bồ đề tâm hạnh?

Theo kinh hệ Drepung Loselling, Tông Trung Quán Y Tụ Khởi cho rằng Bồ đề tâm nguyện sinh khởi và có từ tư lương đạo đến Bồ tát địa thứ 7. Còn từ Bồ tát địa thứ 8 trở lên đến Phật quả thì không có Bồ đề tâm nguyện, chỉ có Bồ đề tâm hạnh mà thôi.

Điều này trái lại với kinh hệ Sera Jey của thầy. Theo kinh hệ ấy, khi vừa phát tâm Bồ đề bước vào Tư Lương Đạo của Đại thừa thì khi đó có Bồ đề tâm nguyện, và Bồ đề tâm nguyện có từ tư lương đạo đến trước khi thành Phật quả. Nghĩa là Bồ tát từ tư lương đạo đến, gia hành đạo, kiến đạo rồi sang Bồ tát các địa 1, 2, 3, ... cho đến Bồ tát địa thứ 10 thì vẫn có Bồ đề tâm nguyện. Chỉ khi nào thành Phật xong rồi thì mới không có Bồ đề tâm nguyện mà thôi, và khi thành Phật rồi thì chỉ có Bồ đề tâm hạnh. Đó chính là sự khác biệt giữa 2 kinh hệ.

Điều Thầy vừa nói khi này là tham khảo kinh điển về phương diện triết học cần phải hiểu như thế. Bây giờ chúng ta phân biệt Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh như thế nào? Bồ đề tâm nguyện chỉ là mong muốn đạt Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh, mong muốn chúng sinh xa lìa đau khổ, được hạnh phúc, an vui. Vì mục đích đó, chúng ta mong muốn

thành Phật quả. Với mục đích đó thôi, với mong muốn đó thôi thì chính là Bồ đề tâm nguyện.

Còn Bồ đề tâm hạnh là khi đã nghĩ rằng mình cần đạt Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh. Để hoàn thành mục tiêu đó (mục tiêu muốn đạt Phật quả) thì cần thực hành bố thí, trì giới, v.v... thực hành các hạnh ba la mật. Với ý nghĩ đó cùng với việc bố thí một món đồ nào đó cho một người ăn xin, hoặc bản cùng hơn mình; hoặc với ý nghĩ đó, thực hành trì giới, thiền định, ... nói chung là thực hành đạo thì chính là Bồ đề tâm hạnh.

Đoạn kệ 15 và đoạn 16 vừa rồi là phân chia và ý nghĩa của từng loại tâm Bồ đề. Còn nói về lợi ích của Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh khác nhau như thế nào thì được nêu ở đoạn kệ 17.

Đoạn kệ 17:

*Từ chính nơi Bồ đề tâm nguyện
Tuy luân hồi, quả vẫn lớn lao
Nhưng không như Bồ đề tâm hạnh
Mang công đức liên tiếp không ngừng*

Đoạn này nêu lên công đức do Bồ đề tâm nguyện và Bồ đề tâm hạnh mang đến như thế nào. Hai câu đầu nói về công đức của Bồ đề tâm nguyện. Nếu như còn bị trói buộc bởi luân hồi, nhưng đã phát được tâm Bồ đề, ở đây mới chỉ là Bồ đề tâm nguyện, tức chỉ mới với ý nghĩ muốn thành tựu Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh. Chỉ với ý nghĩ đó thì kết quả cũng sẽ lớn lao, nghĩa là sẽ mang đến công đức lớn mạnh. Nhưng dù công đức có lớn lao như thế thì vẫn không thể nào bằng được công đức của Bồ đề tâm hạnh.

Ở hai câu sau ***“Nhưng không như Bồ đề tâm hạnh, mang công đức liên tiếp không ngừng”***. Ở đây nói về công đức của Bồ đề tâm hạnh lớn hơn công đức của Bồ đề tâm nguyện rất nhiều. Lấy ví dụ, nếu một người chỉ mới phát tâm Bồ đề và nghĩ rằng “tôi muốn thành Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh”. Chỉ mới nghĩ như vậy thôi, nhưng người này chưa hề có ý nghĩ sẽ dấn thân để thực hành các hạnh ba la mật (các hạnh ba la

mật ở đây là dẫn thân để thực hành 6 ba la mật), thì có công đức to lớn nhưng không thể so với những người nào đã phát tâm bồ đề tâm rồi và lại nghĩ rằng “để thành tựu được phật quả, tôi sẽ bố trí, tôi sẽ trì giới, tôi sẽ nhẫn nhục, tôi sẽ thực hành tinh tấn, tôi sẽ thiền định, tôi sẽ thực hành trí tuệ v.v... thực hành bất kỳ các hành ba la mật nào”. Tâm dẫn thân nỗ lực đó chính là bồ đề tâm hạnh. Bồ đề tâm hạnh sẽ mang đến công đức liên tiếp không ngừng và to lớn hơn công đức của bồ đề tâm nguyện gấp nhiều lần.

Đoạn 17 nói đến công đức của bồ đề tâm hạnh và bồ đề tâm nguyện khác nhau như thế nào. Bồ đề tâm nguyện chỉ là ý nghĩ muốn thành phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh. Với ý nghĩ đó thì đã mang đến công đức và lợi lạc rất lớn rồi. Nhưng với bồ đề tâm hạnh, ngoài ý nghĩ đó thì còn cần phải có thêm ý nghĩ dẫn thân để thực hành hạnh ba la mật. Có nghĩa là người có bồ đề tâm hạnh sẽ nghĩ như thế này: “tôi muốn thành Phật quả vì lợi lạc của tất cả mọi chúng sinh và để đạt mục tiêu đó, tôi sẽ thực hành các hạnh ba la mật”. Người đó phải phát nguyện thực hành như vậy thì khi đó mới gọi là bồ đề tâm hạnh.

Lợi lạc của tâm nguyện và tâm hạnh được tiếp tục ở đoạn kệ 18 và đoạn 19.

Đoạn kệ 18:

*Giữ tâm ấy, mong được giải thoát
Cho khắp cả vô lượng chúng sinh
Cho đến chỗ tâm không thối chuyển
Là phát khởi chân thực tâm này.*

Ở đây, nói đến trình tự: “*Tâm mong giải thoát cho khắp cả vô lượng chúng sinh*” chính là bồ đề tâm nguyện khi vừa sinh khởi. “*Cho đến chỗ tâm không thối chuyển*” là khi tâm nguyện đã vững mạnh, khi đó sức mạnh của tâm này đã đủ mạnh để nghĩ đến việc dẫn thân thực hành các hạnh ba la mật. Khi đó sẽ nhận bồ tát giới và thực hành giới ấy. Khi tâm nguyện đủ lớn mạnh thì mới nhận được bồ tát giới. Khi nhận bồ tát giới

xong thì sẽ thành tựu được bồ đề tâm hạnh. Đó chính là lúc **“phát khởi chân thực”** tâm bồ đề.

Đoạn kệ 19:

*Giữ được thế, cho dù khi ngủ
Hoặc buông lung, phước đức vẫn tăng
Liên tiếp dồi dào không ngưng nghỉ
Đến đầy áp như cả hư không.*

“Giữ được thế”: chữ “thế” ở đây chỉ đến bồ đề tâm hạnh. Đối với người đã phát khởi và có mang bồ đề tâm hạnh thì cho dù khi ngủ, hoặc khi buông lung thì phước đức vẫn tăng trưởng. Vì đang giữ được bồ đề tâm hạnh, bởi vì đang có bồ tát giới. **“Liên tiếp dồi dào không ngưng nghỉ/ Đến đầy áp như cả hư không”**, có nghĩa là công đức do bồ đề tâm hạnh mang đến sẽ liên tiếp, dồi dào, nhiều đến đầy cả không gian.

Đoạn 18 nói đến trình tự phát tâm, nghĩa là phát được tâm nguyện, xong rồi đến khi tâm nguyện lớn mạnh thì nhận bồ tát giới thì khi đó phát được tâm hạnh. Đoạn 19 là khi giữ được tâm hạnh thì phước đức của tâm hạnh đó sẽ liên tiếp dồi dào không ngưng nghỉ.

Đoạn kệ 20:

*Điều như vậy hợp lý bởi vì
Từ trong kinh “Diệu Tí hỏi thưa”,
Nhằm lợi lạc kẻ tìm cầu nhỏ
Chính Như Lai đã thuyết rõ ràng.*

Đoạn 19 nói bồ đề tâm hạnh mang đến công đức “liên tiếp, dồi dào, không ngưng nghỉ” thì lấy điều gì để chứng minh việc ấy? Đoạn 20 chứng minh lợi ích đó của bồ đề tâm hạnh đã được Đức Phật nói rõ ràng trong kinh **“Diệu Tí hỏi thưa”**.

Lợi lạc của tâm bồ đề to lớn như vậy vì sao mà biết? Vì đức Phật đã nói rõ ràng trong kinh “Diệu Tí hỏi thưa”.

Trong kinh Đức Phật nói rằng Bồ Tát đã phát tâm bồ đề mong muốn tất cả mọi chúng sinh thoát khỏi biển khổ luân hồi, đạt đến được an lạc thì thực hành tâm bồ đề. Khi thực hành tâm bồ đề, phát được bồ đề tâm hạnh thì phước đức dồi dào đầy ắp cả hư không. Điều này Đức Phật đã nói rất rõ ràng trong kinh “Diệu Tí hỏi thưa”.

Những lợi lạc của tâm bồ đề như thế, trình tự và công đức như thế, nếu đạo tràng chúng ta đã hiểu thì nên tư duy và thực hành theo.

(Hôm nay Thầy dừng ở đây.)